TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 –VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 80/2026/HS-ST Ngày 27 – 8 – 2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Sương.

2. Ông Nguyễn Tấn Lập.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2026/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Minh H, sinh ngày 22/9/1996 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Công H1 và bà Trần Ngọc D; vợ Sơn Thị L và 01 người con sinh năm 2018.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại – có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Bà Trần Thị Thùy H2, sinh năm 1966; nơi cư trú: Ấp H (nay là ấp N), xã T, tỉnh Vĩnh Long (chết ngày 31/12/2025).

Người đại diện hợp pháp của bị hại là:

1/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964; nơi cư trú: ấp N, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Chị Nguyễn Thị Thùy L1, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp N, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Chị Nguyễn Thị Ngọc L2, sinh năm 1995; nơi cư trú: C đường T, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1997; nơi cư trú: ấp N, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo ủy quyền của ông M, chị Ngọc L2, anh Đ là chị Nguyễn Thị Thùy L1, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp N, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1/ Ông Trần Hữu N, sinh năm 1953; nơi cư trú: 8 đường N, khóm L, phường L, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2/ Bà Trần Ngọc Ả, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3/ Bà Trần Ngọc D, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

4/ Ông Bùi Văn C, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Bà Trần Thị Thùy D1, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp N, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Minh H là người chưa có giấy phép lái xe hạng A theo quy định.

Vào khoảng 19 giờ 55 phút, ngày 24/12/2025 sau khi tan làm tại công trình Huyện lộ 32B, thuộc ấp B, xã C, tỉnh Vĩnh Long, H điều khiển xe mô tô biển số 64F5-0216 chở phía sau ông Bùi Văn C để về nhà, H điều khiển xe mô tô theo đường H ra Quốc lộ E rẽ trái hướng về cầu M. Đến khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, khi đến đoạn gần dốc cầu M, thuộc Km 21+548, địa phận ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long, H đang điều khiển xe đi ở làn đường bên ngoài gần sát vạch kẻ đường của làn đường trong cùng (hướng xã T về xã T), lúc này có xe tải (không rõ biển số) chạy ngược chiều trên cầu M xuống, đèn xe tải chiếu vào mắt làm mắt của H bị chói nên H điều khiển xe chạy vào làn đường trong cùng nhưng do không chú ý quan sát và giảm tốc độ dẫn đến xe mô tô của H va chạm vào người bà Trần Thị Thùy H2 đang đi bộ cùng chiều trên làn đường phía trong cùng. Hậu quả bà H2 bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh V sau đó được chuyển đến bệnh viên S1 điều trị, đến ngày 31/12/2025 bà H2 tử vong.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường ngày 24/12/2025 và biên bản dựng lại hiện trường, sơ đồ hiện trường ngày 26/01/2026 xác định: Đoạn đường xảy ra tai nạn là đường hai chiều đầu dốc cầu có vạch kẻ liền nét ở giữa tim đường phân chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt, lấy chiều đi bên phải hướng đi từ xã T Hội đi xã T làm mép đường chuẩn, khoảng cách từ tim đường đến mép đường chuẩn là 5m75, chiều rộng mặt đường là 11m20, mặt đường trải bằng phẳng, tầm nhìn không bị hạn chế. T vùng va chạm cách mép đường chuẩn là 1m25.

Tại Kết luận giám định tử thi số: 634/KLGĐTT-KTHS-KV1 ngày 06/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh V kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Kết quả khám nghiệm:

+ Giập não thùy trán trái.

+ Phù não mạnh toàn bộ bán cấu trái phải.

+ Tụ máu cục dưới màn cứng lan tỏa toàn bộ bán cầu trái.

+ Khuyết xương sọ vùng trán-đỉnh-thái dương trái.

+ Vết khâu, kèm sây sát da chẩm phải.

+ Vết khâu da vùng trán trái qua đỉnh đến thái dương trái.

- Kết quả xét nghiệm, giám định khác: Không.

2. Kết luận:

- Kết luận nguyên nhân chết: Nguyên nhân chết của nạn nhân Trần Thị Thùy H2 là do chấn thương sọ não

- Kết luận khác: Không.

Tại kết luận nguyên nhân vụ tai nạn giao thông đường bộ ngày 12/02/2026 của Tổ khám nghiệm xác định:

- Nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông là do Trần Minh H điều khiển xe mô tô biển số 64F5-0216 tham gia giao thông không giảm tốc độ để đảm bảo an toàn khi tầm nhìn bị hạn chế, đã phạm vào điểm c, khoản 3, Điều 12 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ năm 2024 (Có lỗi, lỗi chính).

Điểm c, khoản 3, Điều 12 quy định: *"*Chấp hành quy định về tốc độ và khoảng cách giữa các xe

3. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để đảm bảo an toàn trong các trường hợp sau đây:

c) Chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế".

Ngoài ra Trần Minh H điều khiển xe mô tô biển số 64F5-0216 tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

Khoản 1 Điều 9 quy định: Các hành vi bị nghiêm cấm

"1. Điều khiển xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ không có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật; điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ không có giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng".

- Đối với bà Trần Thị Thúy H3 đi bộ nhưng không đi sát mép đường bên phải theo chiều đi của mình (cách lề chuẩn 1,25m) vi phạm điểm a, khoản 1, Điều 30 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ năm 2024 (lỗi vi phạm hành chính).

Điểm a, khoản 1, Điều 30 quy định: Người đi bộ; trẻ em, phụ nữ mang thai, người già yếu, người khuyết tật, người mất năng lực hành vi dân sự tham gia giao thông đường bộ.

"1. Người đi bộ phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Phải đi trên vỉa hè, lề đường, đường dành riêng cho người đi bộ; trường hợp đường không có vỉa hè, lề đường, đường dành riêng cho người đi bộ thì người đi bộ phải đi sát mép đường bên phải theo chiều đi của mình".

Ngày 27/02/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, ngày 02/3/2026 ra Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Minh H về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Đối với ông Trần Hữu N (bác ruột H) là người đứng tên chủ sở hữu xe mô tô 64F5-0216 vào năm 2020 ông N có cho H xe mô tô: 64F5-0216 để sử dụng làm phương tiện đi lại, khi cho xe thì ông N không biết việc Trần Minh H không có giấy phép lái xe theo quy định nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V không xử lý ông Nghĩa L3 có cơ sở.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Trần Minh H đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, kết luận giám định tử thi, kết luận nguyên nhân vụ tai nạn giao thông và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: 01 xe mô tô biển số: 64F5-0216 và 01 giấy đăng ký xe số A0060163 mang tên Trần Hữu N do phòng C1 Công an tỉnh V cấp ngày 23/01/2001, có liên quan đến vụ án nên tiếp tục tạm giữ chờ xử lý.

Trách nhiệm dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Thùy L1 là người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Thùy H2 và là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Ngọc L2 và anh Nguyễn Tiến Đ yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 1.228.461.972 đồng, bao gồm: Tiền bồi thường do sức khỏe của bà H2 bị xâm phạm là 145.641.972 đồng, chi phí mai táng là 146.820.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần là 936.000.000 đồng. Hiện bị cáo Trần Minh H đã bồi thường được số tiền 100.000.000 đồng và chỉ đồng ý bồi thường phần còn lại theo phán quyết của Tòa án.

Bà Trần Ngọc D và bà Trần Ngọc Ả có cho bị cáo Trần Minh H mượn số tiền 100.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả. Hiện bà D và bà Ả chưa yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên.

- Ông Bùi Văn C khi xảy ra tai nạn ông C bị thương tích nhẹ nên không yêu cầu giám định tỷ lệ thương tích và không yêu cầu bị cáo H bồi thường.

- Xe mô tô biển số 64F5-0216 không mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự nên Cơ quan điều tra không xem xét giải quyết.

Tại Cáo trạng số: 42/CT-VKSKV2 ngày 24/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Trần Minh H về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Minh H thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân khu vực 2 - Vĩnh Long truy tố bị cáo là đúng hành vi, không oan.

Bị cáo H khai nhận, vào khoảng 20 giờ 15 phút, ngày 24/12/2025 bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 64F5-0216 chở phía sau ông Bùi Văn C lưu thông trên Quốc lộ E, theo hướng xã T về hướng xã T, tỉnh Vĩnh Long. Khi đến đoạn gần dốc cầu M, thuộc Km 21+548, địa phận ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long, H đang điều khiển xe đi ở làn đường bên ngoài gần sát vạch kẻ đường của làn đường trong cùng, lúc này có xe tải (không rõ biển số) chạy ngược chiều trên cầu M xuống, đèn xe tải chiếu vào mắt làm mắt của H bị chói nên H điều khiển xe mô tô chạy vào làn đường trong cùng, nhưng do không chú ý quan sát và giảm tốc độ dẫn đến xe mô tô của H va chạm vào người bà Trần Thị Thùy H2 đang đi bộ cùng chiều phía trước. Hậu quả làm bà H2 té ngã xuống lộ nhựa, bị chấn thương sọ não đến ngày 31/12/2025 bà H2 tử vong. Bị cáo chưa có giấy phép lái xe theo quy định. Bị cáo biết bị cáo vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải, xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Đối với đại diện hợp pháp bị hại là chị Nguyễn Thị Thùy L1 yêu cầu bị cáo H bồi thường Tiền bồi thường do sức khỏe của bà H2 bị xâm phạm là 145.641.972 đồng, chi phí mai táng là 146.820.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần là 253.000.000 đồng. Hiện bị cáo Trần Minh H đã bồi thường được số tiền 100.000.000 đồng và thống nhất bồi thường theo yêu cầu của đại diện hợp pháp bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long trình bày luận tội

vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo Trần Minh H theo tội danh và Điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Minh H phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo cụ thể như sau:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; Điều 38; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Minh H mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; trả cho bị cáo: 01 xe mô tô mang biển số 64F5-0216.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 585, 591 Bộ luật Dân sự ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và bị hại thống nhất bồi thường số tiền 545.461.972 đồng, bị cáo đã bồi thường 100.000.000 đồng, còn tiếp tục bồi thường 445.461.972 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo nộp:

- Án phí hình sự: Buộc các bị cáo Trần Minh H nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự: Buộc bị cáo Trần Minh H nộp 21.818.479 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, cùng với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, qua đó xác định: Bị cáo Trần Minh H là người không có giấy phép lái mô tô hạng A1 theo

quy định, vào khoảng 20 giờ 15 phút, ngày 24/12/2025 H điều khiển xe mô tô biển số: 64F5-0216 chở phía sau ông Bùi Văn C lưu thông trên Quốc lộ E, theo hướng xã T về hướng xã T, tỉnh Vĩnh Long. Khi đến đoạn gần dốc cầu M, thuộc Km 21+548, địa phận ấp C, xã H, tỉnh Vĩnh Long, H đang điều khiển xe đi ở làn đường bên ngoài gần sát vạch kẻ đường của làn đường trong cùng, lúc này có xe tải (không rõ biển số) chạy ngược chiều trên cầu M xuống, đèn xe tải chiếu vào mắt làm mắt của H bị chói nên H điều khiển xe mô tô chạy vào làn đường trong cùng, nhưng do không chú ý quan sát và giảm tốc độ dẫn đến xe mô tô của H va chạm vào người bà Trần Thị Thùy H2 đang đi bộ cùng chiều phía trước. Hậu quả làm bà H2 té ngã xuống lộ nhựa, bị chấn thương sọ não đến ngày 31/12/2025 bà H2 tử vong.

Hành vi của bị cáo Trần Minh H đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có căn cứ.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Trần Minh H là người có đầy đủ năng lực để nhận thức và làm chủ được những hành vi của bản thân trong cuộc sống. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ và xâm phạm đến tính mạng của người khác một cách trái pháp luật. Bị cáo chưa có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển số 64F5-0216 tham gia giao thông không giảm tốc độ để đảm bảo an toàn khi tầm nhìn bị hạn chế gây tai nạn cho Trần Thị Thùy H2 đang đi bộ cùng chiều trên làn đường phía trong cùng, làm bà H2 tử vong. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi của bị cáo đã gây ra để nhằm mục đích giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường thiệt hại một phần cho phía gia đình bị hại và trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét lời đề nghị của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 585, 591 Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại chi phí cho việc cứu chữa, thiệt hại sức khỏe số tiền 145.641.972 đồng; chi phí mai táng 146.820.000 đồng; tổn thất tinh thần 253.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo H bồi thường cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị Thùy H2 gồm ông Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Thùy L1, chị Nguyễn Thị Ngọc L2, anh Nguyễn Tiến Đ là 145.641.972 đồng + 146.820.000 đồng +

253.000.000 đồng = 545.461.972 đồng (đã bồi thường 100.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường 445.461.972 đồng).

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; trả cho bị cáo:

- Xe mô tô biển kiểm soát 64F5-0216, số khung LY000720, số máy LY000720, số lượng 01 chiếc, tình trạng bị hư kính chiếu hậu, bị móp rổ xe: Đã qua sử dụng.

- Giấy đăng ký xe số A0060163 mang tên Trần Hữu N do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh V cấp ngày 23/01/2001, số lượng 01 tờ.

[9] Về án phí sơ thẩm:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Minh H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng vào điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Minh H nộp 21.818.479 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự;

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Minh H phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

1.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Minh H 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án hoặc bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 584, 585, 591 của Bộ luật dân sự; ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo Trần Minh H và chị Nguyễn Thị Thùy L1, bị cáo Trần Minh H đồng ý bồi thường thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị Thùy H2 gồm ông Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Thùy L1, chị Nguyễn Thị Ngọc L2, anh Nguyễn Tiến Đ tổng số tiền 545.461.972 đồng (gồm chi phí cho việc cứu chữa, thiệt hại sức khỏe số tiền 145.641.972 đồng; chi phí mai táng 146.820.000 đồng; tổn thất tinh thần 253.000.000 đồng); bị cáo đã bồi thường 100.000.000 đồng, còn phải tiếp tục

bồi thường 445.461.972 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi mốt ngàn chín trăm bảy mươi hai đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì phải chịu thêm phần tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản thời gian chưa thi hành án xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành ản dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; trả cho bị cáo:

- Xe mô tô biển kiểm soát 64F5-0216, số khung LY000720, số máy LY000720, số lượng 01 chiếc, tình trạng bị hư kính chiếu hậu, bị móp rổ xe: Đã qua sử dụng.

- Giấy đăng ký xe số A0060163 mang tên Trần Hữu N do Phòng Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh V cấp ngày 23/01/2001, số lượng 01 tờ.

Hiện vật chứng đang quản lý tại Phân trại tạm giam T thuộc Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh V theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/7/2026.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Minh H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Minh H nộp 21.818.479 đồng (Hai mươi mốt triệu tám trăm mười tám ngàn bốn trăm bảy mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long
- VKSND khu vực 2, tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 2, tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã H, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Ngô Văn Phương